

## Đức Bênêđictô XVI lên tiếng: Giáo Hội và Tai tiếng Lạm dụng Tình dục

Vũ Văn An, 11/Apr/2019



Theo *National Catholic Register*, trong tuyên bố ý nghĩa nhất kể từ ngày từ nhiệm ngôi giáo hoàng năm 2013, Đức Giáo Hoàng Hưu Trí Bênêđictô XVI vừa viết 1 tiểu luận khá dài về nạn giáo sĩ lạm dụng tình dục trong đó, Người giải thích điều Người cho là gốc rễ của cuộc khủng hoảng, hậu quả nó tạo cho chức linh mục và Giáo Hội nên đáp ứng tốt nhất ra sao.

Trong bài tiểu luận dài hơn 6,000 chữ này, được đăng ngày 11 tháng Tư, 2019, trên nguyệt san *Klerusblatt*, một tập san ở vùng Bavaria, Đức, Đức Bênêđictô thứ 16 chủ yếu đổ lỗi cho cuộc cách mạng tình dục và việc sụp đổ nền thần học luân lý Kitô giáo sau Công Đồng Vatican II. Hai điều này đã phá hoại nền huấn luyện trong các chủng viện trước Vatican II.

*Chúng tôi xin chuyển ngữ trọn bài tiểu luận của Người:*

Từ ngày 21 đến 24 tháng 2, theo lời mời của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, các chủ tịch của các Hội Đồng giám mục thế giới đã tập trung tại Vatican để thảo luận về cuộc khủng hoảng đức tin và Giáo hội hiện nay; một cuộc khủng hoảng được cảm nghiệm trên toàn thế giới sau những tiết lộ gây ngỡ ngàng về nạn giáo sĩ lạm dụng gây ra cho các trẻ vị thành niên.

Phạm vi và mức độ nghiêm trọng của các biến cố được báo cáo đã khiến các linh mục cũng như giáo dân vô cùng buồn bã, và đã khiến nhiều người phải đặt nghi vấn đối với chính Đức tin của Giáo hội. Cần phải gửi đi một thông điệp mạnh mẽ, và tìm kiếm một khởi đầu mới, để làm cho Giáo hội một lần nữa thực sự đáng tin cậy như một ánh sáng giữa các dân tộc và như một lực lượng phục vụ chống lại sức mạnh hủy diệt.

Vì bản thân tôi đã từng phục vụ trong một vị trí trách nhiệm với tư cách là mục tử của Giáo hội tại thời điểm bùng nổ công khai cuộc khủng hoảng, và trong thời gian dẫn tới nó, tôi đã phải tự hỏi mình - mặc dù nay, với tư cách hưu trí, tôi không chịu trách nhiệm trực tiếp nữa - tôi có thể đóng góp được gì vào một khởi đầu mới.

Do đó, sau khi cuộc họp của các chủ tịch của các hội đồng giám mục đã được công bố, tôi đã thu thập một số ghi chép nhờ đó tôi có thể đóng góp một hoặc hai nhận xét để hỗ trợ trong giờ phút khó khăn này.

Sau khi liên lạc với Quốc vụ khanh, Đức Hồng Y [Pietro] Parolin và Đức Thánh Cha [Đức Giáo Hoàng Phanxicô], điều xem ra thích hợp là ấn hành bản văn này trên *Klerusblatt* [một tạp san định kỳ hàng tháng cho hàng giáo sĩ tại hầu hết các giáo phận xứ Bavaria].

Công trình của tôi được chia thành ba phần.

Trong phần thứ nhất, tôi nhằm trình bày ngắn gọn bối cảnh xã hội rộng lớn hơn của vấn đề, mà nếu không, ta không thể hiểu nổi nó. Tôi sẽ cố gắng chứng tỏ rằng trong những năm 1960, một biến cố lớn đã xảy ra, với quy mô chưa từng có trong lịch sử. Có thể nói rằng trong 20 năm từ 1960 đến 1980, các tiêu chuẩn quy phạm trước đây về tính dục đã sụp đổ hoàn toàn, và một sự bình thường mới đã nảy sinh mà cho đến nay đã trở thành chủ đề cho nhiều cố gắng ngăn chặn.

Trong phần thứ hai, tôi nhấn mạnh các hậu quả của tình huống này đối với việc đào tạo các linh mục và cuộc sống của các Người.

Cuối cùng, trong phần thứ ba, tôi muốn khai triển một số viễn ảnh cho một đáp ứng thích đáng về phía Giáo hội.

## **Phần I**

(1) Vấn đề bắt đầu với việc dẫn nhập, được nhà nước ra lệnh và hỗ trợ, các trẻ em và người trẻ vào bản chất tính dục. Ở Đức, Bộ trưởng Y tế lúc đó, bà [Käte] Strobel, đã cho làm một bộ phim trong đó mọi thứ trước đây không được phép trình chiếu công khai, bao gồm cả việc giao hợp tính dục, giờ đây được chiếu nhằm mục đích giáo dục. Điều ban đầu chỉ nhằm giáo dục giới tính cho người trẻ sau đó đã được chấp nhận rộng rãi như một giải pháp khả thi.

Hiệu quả tương tự đã đạt được bởi cuốn “Sexkoffer” được xuất bản bởi chính phủ Áo [Một “vali” gây tranh cãi về các tài liệu giáo dục giới tính được sử dụng trong các trường học của Áo vào cuối những năm 1980]. Các bộ phim tính dục và khiêu dâm lúc đó đã trở thành một biến cố thông thường, đến mức chúng được chiếu tại các rạp chiếu phim thời sự

[Bahnhofskinos]. Tôi vẫn còn nhớ, khi cuốn bộ qua thành phố Regensburg, được thấy rất đông người xếp hàng trước một rạp chiếu phim lớn, một điều mà trước đây chúng ta chỉ thấy trong thời chiến, lúc người ta chờ mong một cuộc phân phối đặc biệt nào đó. Tôi cũng nhớ đến thành phố vào Thứ Sáu Tuần Thánh năm 1970 và thấy mọi bảng quảng cáo được dán lên với một tấm áp phích lớn hình hai người hoàn toàn khỏa thân đang ôm sát lấy nhau.

Trong số các quyền tự do mà Cách mạng năm 1968 tìm cách đấu tranh là quyền tự do tính dục hoàn toàn này, một thứ không còn thừa nhận bất cứ quy tắc nào nữa.

Sự sụp đổ tinh thần cũng liên quan đến xu hướng thích bạo lực. Đó là lý do tại sao phim tính dục không còn được phép sử dụng trên máy bay vì bạo lực sẽ bùng phát trong cộng đồng hành khách nhỏ. Và vì quần áo thời đó cũng gây ra sự gây hấn không kém, nên các hiệu trưởng các trường cũng đã cố gắng áp dụng đồng phục học sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường học tập.

Một phần diện mạo (physiognomy) của cuộc Cách mạng năm 68 là việc lúc đó, người ta cũng chẩn đoán ấu dâm là điều được phép và thích đáng.

Đối với những người trẻ tuổi trong Giáo hội, nhưng không chỉ đối với họ, đây là một khoảng thời gian rất khó khăn xét về nhiều phương diện. Tôi đã luôn tự hỏi làm thế nào những người trẻ tuổi trong tình huống này có thể tiếp cận chức linh mục và chấp nhận nó, với tất cả các hệ lụy của nó. Sự sụp đổ sâu rộng của thể hệ linh mục tiếp theo trong những năm tháng đó và số lượng hoàn tục rất cao là hậu quả của tất cả những khai triển này.

(2) Đồng thời, độc lập với sự khai triển này, thần học luân lý Công Giáo đã chịu một sự sụp đổ khiến Giáo hội không thể chống lại những thay đổi này trong xã hội. Tôi sẽ cố gắng phác thảo ngắn gọn quỹ đạo của sự khai triển này.

Cho đến Công đồng Vatican II, thần học luân lý Công Giáo chủ yếu được xây dựng trên luật tự nhiên, trong khi chỉ có Sách Thánh được trích dẫn làm nền tảng hoặc để chứng minh. Trong cuộc đấu tranh của Công đồng nhằm một sự hiểu biết mới về Mặc Khải, giải pháp luật tự nhiên phần lớn đã bị từ bỏ và một nền thần học luân lý hoàn toàn dựa trên Kinh thánh đã được yêu cầu.

Tôi vẫn còn nhớ cách phân khoa Dòng Tên ở Frankfurt đã huấn luyện một Cha trẻ có năng khiếu cao (Bruno Schüller) nhằm mục đích khai triển một nền luân lý hoàn toàn dựa trên Kinh thánh. Luận án tuyệt vời của Cha Schüller cho thấy bước đầu tiên hướng tới việc xây dựng một nền luân lý dựa trên Kinh thánh. Cha Schüller sau đó được gửi sang Mỹ để nghiên cứu thêm và trở về với việc nhận ra rằng từ Kinh thánh mà thôi, một nền luân lý không thể được phát biểu một cách có hệ thống. Sau đó, Người đã thử một nền thần học luân lý thực dụng hơn, nhưng không thể cung cấp được một câu trả lời nào cho cuộc khủng hoảng luân lý.

Cuối cùng, chủ yếu chỉ còn giả thuyết cho rằng luân lý được chuyên nhất quyết định bởi mục đích của hành động con người đang thịnh hành mà thôi. Dù cụm từ xưa “mục đích biện minh cho phương tiện” không được xác nhận ở dạng thô thiển này, nhưng cách suy nghĩ của nó đã trở thành dứt khoát. Do đó, không còn bất cứ điều gì có thể tạo nên một điều tốt

tuyệt đối nữa, cũng như không còn bất cứ điều gì xấu xa từ căn bản nữa; [có thể] chỉ còn các phê phán giá trị tương đối mà thôi. Không còn điều tốt [tuyệt đối], mà chỉ còn điều tương đối tốt hơn mà thôi, tùy theo thời điểm và hoàn cảnh.

Cuộc khủng hoảng về công chính hóa và việc trình bày luân lý Công Giáo đã đạt đến tỷ lệ bi thảm vào cuối các thập niên 80 và 90. Vào ngày 5 tháng 1 năm 1989, “Tuyên bố Cologne”, được ký bởi 15 giáo sư thần học Công Giáo, đã được công bố. Nó tập chú vào các điểm khủng hoảng đa dạng trong mối liên hệ giữa huấn quyền giám mục và nhiệm vụ của thần học. [Phản ứng đối với] bản văn này, lúc đầu không vượt quá mức phản kháng thông thường, đã nhanh chóng phát triển thành một sự phản đối kịch liệt chống lại huấn quyền của Giáo hội và tập hợp, một cách ồn ào và hiển thị, tiềm năng phản kháng hoàn cầu chống lại các bản văn tín lý dự kiến của Đức Giáo hoàng Phaolô II (x. D. Mieth, *Kölner Erklärung, LThK, VI3*, trang 196) [LThK là *The Lexikon für Theologie und Kirche*, một Từ Vựng Thần Học và Giáo Hội” bằng tiếng Đức mà các nhà biên tập gồm Karl Rahner và Đức Hồng Y Walter Kasper].

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, người biết rất rõ tình huống của thần học luân lý và theo sát nó, đã ủy nhiệm việc viết một thông điệp để điều chỉnh các điều này. Nó được công bố dưới tựa đề “Veritatis splendor” (Chói Ngời Chân Lý) vào ngày 6 tháng 8 năm 1993, và nó đã làm nổ ra nhiều phản ứng dữ dội từ phía các nhà thần học luân lý. Trước nó, “Sách Giáo lý Giáo hội của Giáo Hội Công Giáo” một cách thuyết phục và có hệ thống, đã trình bày nền luân lý như đã được Giáo hội công bố.

Tôi sẽ không bao giờ quên nhà thần học luân lý người Đức lúc bấy giờ Franz Böckle, người đã trở về quê hương Thụy Sĩ sau khi nghỉ hưu, đã tuyên bố trước những quyết định có thể có của thông điệp “Veritatis splendor” rằng nếu thông điệp xác định rằng có những hành động vốn luôn luôn và trong mọi trường hợp được xếp loại là xấu xa, Người sẽ thách thức nó bằng mọi nguồn lực Người đang có trong tay.

Chính Thiên Chúa, Đấng Thương Xót, đã tha cho Người khỏi phải đưa quyết tâm của Người ra thực hành; Böckle qua đời vào ngày 8 tháng 7 năm 1991. Thông điệp được công bố vào ngày 6 tháng 8 năm 1993 và quả thực có bao gồm lời xác định rằng có những hành động không bao giờ có thể trở nên tốt được.

Đức Giáo Hoàng đã ý thức đầy đủ tầm quan trọng của quyết định này vào lúc đó và về phần này của bản văn, Người đã một lần nữa tham khảo ý kiến các chuyên gia hàng đầu, những người không tham gia vào việc biên tập thông điệp. Người biết rằng Người không còn nghi ngờ gì nữa về sự kiện: việc tính toán luân lý (mortal calculus) liên quan đến việc cân bằng các điều tốt phải tôn trọng một giới hạn sau cùng. Có những điều tốt không bao giờ bị trao đổi. Có những giá trị không bao giờ được từ bỏ để đổi lấy một giá trị lớn hơn và thậm chí vượt quá sự bảo tồn sự sống thể lý. Có việc tử vì đạo. Thiên Chúa [nói về] không hẳn chỉ là về sự sinh tồn thể lý. Một cuộc sống được mua bằng việc bác bỏ Thiên Chúa, một cuộc sống dựa trên lời dối trá tối hậu, không là một cuộc sống.

Phúc tử đạo là một phạm trù căn bản của sự hiện hữu Kitô giáo. Sự kiện phúc tử đạo không còn cần thiết về mặt luân lý trong lý thuyết do Böckle và nhiều người khác chủ trương cho thấy rằng bản chất của Kitô giáo đang bị đe dọa.

Tuy nhiên, giữa lúc ấy, trong thần học luân lý, một câu hỏi khác đã trở nên cấp bách: Giả thuyết cho rằng huấn quyền của Giáo hội cần có thẩm quyền sau cùng (“vô ngộ”) chỉ trong các vấn đề liên quan đến chính đức tin mà thôi, đang được chấp nhận rộng rãi; (theo quan điểm này) các vấn đề liên quan đến luân lý không nên nằm trong phạm vi các quyết định không thể sai lầm của Huấn quyền Giáo hội. Có lẽ có một điều gì đó đúng về giả thuyết này đủ để ta phải thảo luận thêm. Nhưng có một tập hợp luân lý tối thiểu gắn liền một cách không thể tháo gỡ với nguyên tắc nền tảng của đức tin và phải được bảo vệ nếu đức tin không bị giản lược thành một lý thuyết nhưng đúng hơn, được thừa nhận trong các chủ trương của nó đối với đời sống cụ thể.

Tất cả những điều trên cho thấy rõ ràng trong căn bản, thẩm quyền của Giáo hội trong các vấn đề luân lý đã bị nghi vấn như thế nào. Những người bác bỏ Giáo hội như một năng quyền giảng dạy cuối cùng trong lĩnh vực này buộc Giáo hội phải im lặng chính tại biên giới giữa sự thật và dối trá đang bị đe dọa.

Độc lập với vấn đề này, trong nhiều giới thần học luân lý, người ta đã trình bày giả thuyết cho rằng Giáo hội không và không thể có nền luân lý riêng của mình. Lập luận của họ là mọi giả thuyết luân lý cũng phải biết các song hành trong các tôn giáo khác và do đó, một sở hữu luân lý Kitô giáo không thể hiện hữu được. Nhưng câu hỏi về bản chất độc đáo của luân lý Kinh thánh không được trả lời bởi sự kiện với mỗi câu phán định ở đâu đó, phải có một câu song hành trong các tôn giáo khác. Đúng hơn, ở đây nói về toàn bộ nền luân lý Kinh Thánh, một nền luân lý, trong chính nó, vốn mới mẻ và khác biệt so với các phần riêng lẻ của nó.

Sự độc đáo của học thuyết luân lý trong Thánh Kinh cuối cùng có định đề trong việc bám lấy hình ảnh Thiên Chúa, đức tin vào một Thiên Chúa duy nhất, Đấng đã tỏ mình ra trong Chúa Giêsu Kitô và là Đấng đã sống như một con người nhân bản. Mười điều răn là một áp dụng đức tin Kinh Thánh đối với Thiên Chúa vào cuộc sống của con người. Hình ảnh Thiên Chúa và luân lý thuộc về nhau và do đó dẫn đến sự thay đổi đặc thù thái độ Kitô giáo đối với thế giới và đời sống con người. Hơn nữa, Kitô giáo đã được mô tả ngay từ đầu bằng hạn từ *hodós* [tiếng Hy Lạp có nghĩa con đường, trong Tân Ước thường được sử dụng theo nghĩa nẻo đường đang tiến bước].

Đức tin là một hành trình và một nẻo đường sống. Trong Giáo hội xưa, đoàn dự tòng (catechuminate) được tạo ra như một môi trường sống chống lại một nền văn hóa ngày càng bị phi luân hóa; trong môi trường sống này, các khía cạnh khác biệt và mới mẻ của lối sống Kitô giáo được thực hành và đồng thời được bảo vệ khỏi lối sống thông thường. Tôi nghĩ rằng ngay cả ngày nay nữa, một điều gì đó như các cộng đồng dự tòng là điều cần thiết để đời sống Kitô hữu có thể tự khẳng định theo cách riêng của mình.

## **Phần II: Phản ứng ban đầu của Giáo hội**

(1) Như tôi đã cố gắng chứng tỏ, diễn trình được chuẩn bị lâu dài và còn đang tiếp diễn nhằm triệt hạ khái niệm luân lý Kitô giáo được đánh dấu bằng một chủ nghĩa cấp tiến chưa từng có vào những năm 1960. Sự triệt hạ thẩm quyền giảng dạy luân lý của Giáo hội này nhất thiết phải có hậu quả đối với nhiều lĩnh vực khác nhau của Giáo hội. Trong bối cảnh cuộc hội họp của các chủ tịch các hội đồng giám mục từ khắp nơi trên thế giới với Đức Giáo

Hoàng Phanxicô, vấn đề đời sống linh mục, cũng như vấn đề các chủng viện, được đặc biệt quan tâm. Liên quan đến vấn đề chuẩn bị cho thừa tác vụ linh mục trong các chủng viện, trên thực tế có một sự suy sụp sâu rộng trong hình thức trước đây của việc chuẩn bị này.

Trong các chủng viện khác nhau, các nhóm đồng tính luyến ái đã được thành lập; chúng hoạt động ít nhiều công khai và thay đổi đáng kể bầu khí trong các chủng viện. Trong một chủng viện ở miền nam nước Đức, các ứng viên chức linh mục và các ứng viên thừa tác vụ chuyên gia mục vụ giáo dân [Pastoralreferent] đã sống với nhau. Trong các bữa ăn chung, các chủng sinh và các chuyên gia mục vụ đã cùng ăn với nhau, những người kết hôn trong hàng giáo dân đôi khi có vợ con đi theo, và thỉnh thoảng cả các bạn gái của họ nữa. Khí hậu trong chủng viện này không thể hỗ trợ việc chuẩn bị cho ơn gọi linh mục được. Tòa Thánh biết các vấn đề như vậy, tuy không được thông báo chính xác. Như một bước đầu tiên, một cuộc viếng thăm tông tòa đã được sắp xếp cho các chủng viện tại Hoa Kỳ.

Vì tiêu chuẩn lựa chọn và bổ nhiệm các giám mục cũng đã được thay đổi sau Công đồng Vatican II, nên mối liên hệ của các giám mục với các chủng viện của họ cũng rất khác. Trước hết, một tiêu chuẩn để bổ nhiệm các giám mục mới giờ đây là “tính công đồng” (“conciliarity”), một hạn từ tất nhiên có thể được hiểu có ý nói đến nhiều điều khá khác nhau.

Thật vậy, ở nhiều nơi trong Giáo hội, các thái độ có tính công đồng được hiểu là có thái độ phê phán hoặc tiêu cực đối với truyền thống vốn có từ trước đến nay, mà bây giờ phải được thay thế bằng một mối liên hệ mới, hoàn toàn cởi mở với thế giới. Một giám mục, người trước đây là giám đốc chủng viện, đã sắp xếp để các chủng sinh được chiếu những bộ phim khiêu dâm, được cho là với ý định làm cho họ đề kháng các hành vi trái với đức tin.

Có những giám mục cá thể - không chỉ ở Hoa Kỳ - đã bác bỏ toàn bộ truyền thống Công Giáo và tìm cách đưa vào một thứ “tính Công Giáo” (catholicity) mới, hiện đại, trong giáo phận của họ. Có lẽ điều đáng nói là trong một vài chủng viện, các sinh viên bị bắt đang đọc sách của tôi bị coi là không thích hợp với chức linh mục. Các sách của tôi bị giấu đi, như một thứ văn học xấu xa, và chỉ được đọc dưới gầm bàn.

Cuộc Thăm viếng hiện đang diễn ra không mang đến những hiểu biết thông sáng mới, rõ ràng vì nhiều thế lực khác nhau đã hợp lực để che giấu tình hình thực sự. Một cuộc Thăm viếng thứ hai đã được sắp đặt và đã mang lại nhiều hiểu biết thông sáng đáng kể hơn, nhưng nói chung, không đạt được bất cứ tác dụng nào. Tuy nhiên, kể từ những năm 1970, tình hình trong các chủng viện nói chung đã được cải thiện. Tuy thế, chỉ có những trường hợp lẻ tẻ và mới về việc tăng cường ơn gọi linh mục được đưa ra trong khi tình hình nói chung đang rẽ sang một hướng khác.

(2) Như tôi nhớ không lầm, vấn đề ấu dâm đã không trở nên gay gắt cho đến hậu bán thập niên 1980. Trong khi đó, nó đã trở thành một vấn đề công cộng ở Hoa Kỳ, đến nỗi các giám mục ở Rôma đã tìm kiếm sự giúp đỡ, vì giáo luật, như đã được viết trong Bộ luật mới (1983), dường như không đủ để đưa ra các biện pháp cần thiết.

Thoạt đầu, Rôma và các giáo luật gia Rôma gặp khó khăn với các quan tâm này; theo ý kiến của họ, việc đình chỉ tạm thời chức vụ linh mục phải đủ mạnh để mang lại sự thanh tủy và minh xác. Điều này không thể được các giám mục Mỹ chấp nhận, vì các linh mục như thế

vẫn còn phục vụ vị giám mục, và do đó, có thể được coi là [vẫn] còn liên kết trực tiếp với Người. Chỉ từ từ, mới bắt đầu có được một sự đổi mới và làm sâu sắc thêm Bộ luật mới đối với luật hình sự từng cố ý được xây dựng một cách lỏng lẻo.

Tuy nhiên, thêm vào đó, còn có vấn đề căn bản trong việc tri nhận luật hình sự. Chỉ có điều gọi là chủ nghĩa bảo lãnh [*guarantorism*, một loại chủ nghĩa bảo hộ tố tụng] mới được coi là “có tính công đồng”. Điều này có nghĩa là trước tiên, các quyền của bị cáo phải được bảo đảm, đến độ trên thực tế không còn bất cứ sự kết án nào nữa. Như một đối trọng chống lại các giải pháp bào chữa thường không thỏa đáng hiện có cho các nhà thần học bị buộc tội, quyền bào chữa của họ nhờ chủ nghĩa bảo lãnh này đã được mở rộng đến mức khó có thể kết án họ.

Cho phép tôi chèn một phụ chú (excursus) ngắn ở điểm này. Xét về qui mô hành vi sai trái ấu dâm, một lời nói của Chúa Giêsu khiến chúng ta lưu ý, đó là: “Ai làm cơ cho một trong những kẻ bé mọn đang tin đây phải sa ngã, thì thà buộc cối đá lớn vào cổ nó mà ném xuống biển còn hơn” (Mc 9:42).

Cụm từ “những kẻ bé mọn” trong ngôn ngữ của Chúa Giêsu có nghĩa là các tín hữu thông thường, những người có thể bị bối rối trong đức tin của họ bởi sự cao ngạo trí thức của những người cho rằng họ thông minh. Vì vậy, ở đây, Chúa Giêsu bảo vệ kho tàng đức tin bằng một đe dọa đầy nhấn mạnh trừng phạt đối với những người làm hại kho tàng đức tin này.

Việc sử dụng câu này theo nghĩa hiện đại không tự nó sai, nhưng nó không được làm lu mờ nghĩa gốc. Theo nghĩa đó, điều trở nên rõ ràng, trái với bất cứ chủ nghĩa bảo lãnh nào, là nó không chỉ có nghĩa quyền của bị cáo là quan trọng và đòi hỏi phải có sự bảo đảm. Những sự thiện vĩ đại như Đức tin cũng quan trọng không kém.

Do đó, một điều luật cân bằng tương ứng với toàn bộ sứ điệp của Chúa Giêsu không phải chỉ cung cấp sự bảo đảm cho bị cáo, sự tôn trọng đối với họ là sự thiện hợp pháp. Nó cũng phải bảo vệ Đức tin, vốn cũng là một tài sản hợp pháp quan trọng. Do đó, một giáo luật được tạo lập đúng đắn phải chứa một bảo đảm kép - bảo vệ pháp lý cho bị cáo, bảo vệ pháp lý cho sự thiện bị đe dọa. Nếu ngày nay người ta cố vũ được quan niệm vốn rõ ràng từ trong nội tại này, thì người ta thường sẽ không phải bận tâm khi đụng đến vấn đề bảo vệ Đức tin như một sự thiện hợp pháp. Trong ý thức khái quát của luật pháp, Đức tin dường như không được xếp vào hàng các sự thiện cần được bảo vệ. Đây là một tình huống đáng được báo động, một tình huống phải được xem xét và nghiêm túc lưu ý bởi các mục tử của Giáo hội.

Bây giờ tôi muốn thêm, vào các ghi chú ngắn ngủi về tình hình đào tạo linh mục vào lúc nổ ra cuộc khủng hoảng, một vài nhận xét liên quan đến sự khai triển giáo luật trong vấn đề này.

Về nguyên tắc, Bộ Giáo sĩ chịu trách nhiệm xử lý các tội ác của các linh mục. Nhưng vì chủ nghĩa bảo lãnh đã chi phối tình hình đến một mức lớn lao vào lúc đó, nên tôi đã đồng ý với Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II rằng việc giao năng quyền đối với các tội này cho Bộ Giáo lý Đức tin là điều phù hợp, dưới tiêu đề “*Delicta maiora contra fidem*” (những vi phạm lớn hơn chống lại đức tin).

Sự sắp xếp trên cũng cho phép áp dụng hình phạt tối đa, tức là trục xuất khỏi hàng giáo sĩ, một điều đã không thể áp đặt dưới các quy định pháp luật khác. Đây không phải là một mưu mẹo để có thể áp dụng hình phạt tối đa, nhưng phát sinh từ tầm quan trọng của Đức tin đối với Giáo hội. Thực tế, điều quan trọng là thấy hành vi sai trái như vậy của các giáo sĩ cuối cùng làm hại đến Đức tin.

Chỉ khi nào Đức tin không còn xác định được hành động của con người, các vi phạm như vậy mới có thể có.

Tuy nhiên, mức độ nghiêm trọng của hình phạt cũng giả thiết phải có bằng chứng rõ ràng về hành vi phạm tội - khía cạnh này của chủ nghĩa bảo lãnh vẫn còn hiệu lực.

Nói cách khác, để áp đặt hình phạt tối đa một cách hợp pháp, cần phải có một quy trình hình sự thực sự. Nhưng cả các giáo phận lẫn Tòa thánh đều bị choáng ngợp bởi một yêu cầu như vậy. Do đó, chúng ta đã xác định một bình diện tố tụng hình sự tối thiểu và bỏ ngỏ khả thể Tòa Thánh sẽ tiếp quản phiên tòa khi các giáo phận hoặc thẩm quyền giáo tỉnh không thể làm được việc này. Trong mỗi trường hợp, phiên tòa sẽ phải được tái duyệt bởi Bộ Giáo lý Đức tin để bảo đảm các quyền của bị cáo. Cuối cùng, trong Feria IV (tức là, phiên họp toàn bộ các thành viên của Bộ), chúng ta đã thiết lập một toà kháng cáo dự liệu cho khả thể kháng cáo.

Vì tất cả những điều trên thực sự vượt quá khả năng của Bộ Giáo lý Đức tin, và vì sự chậm trễ đã phát sinh, cần được ngăn chặn do bản chất của vấn đề, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiến hành nhiều cải cách hơn nữa.

### **Phần III**

(1) Chúng ta phải làm gì? Có lẽ chúng ta nên tạo ra một Giáo hội khác để mọi việc được giải quyết? Có, thí nghiệm này đã được thực hiện và đã thất bại. Chỉ có sự vâng lời và tình yêu dành cho Chúa Giêsu Kitô của chúng ta mới có thể chỉ đường. Vì vậy, trước tiên, chúng ta hãy cố gắng hiểu một lần nữa và từ bên trong [chính mình] điều Chúa muốn, và đã muốn với chúng ta.

Trước tiên, tôi sẽ đề nghị điều sau đây: Nếu chúng ta thực sự muốn tóm tắt rất ngắn gọn nội dung của Đức tin như đã được đặt để trong Kinh Thánh, chúng ta có thể làm vậy bằng cách nói rằng Chúa đã khởi xướng một câu chuyện tình với chúng ta và muốn bao gồm trọn sáng thế vào trong đó. Lực lượng chống lại cái ác, một cái ác đe dọa chúng ta và toàn thế giới, cuối cùng chỉ hệ ở việc chúng ta bước vào tình yêu này. Đó là lực lượng thực sự chống lại điều ác. Sức mạnh của tội ác phát sinh từ việc chúng ta từ chối yêu Thiên Chúa. Người nào phó thác mình cho tình yêu của Thiên Chúa thì được cứu chuộc. Việc chúng ta không được cứu chuộc là hậu quả của việc chúng ta thiếu khả năng yêu Thiên Chúa. Học cách yêu Thiên Chúa là con đường cứu chuộc của con người.

Bây giờ chúng ta hãy cố gắng mở tung nội dung thiết yếu này của mạc khải Thiên Chúa thêm một chút nữa. Sau đó, chúng ta có thể nói rằng hồng phúc căn bản đầu tiên mà Đức tin mang lại cho chúng ta là việc biết chắc chắn rằng Thiên Chúa hiện hữu.



Một thế giới không có Thiên Chúa chỉ có thể là một thế giới không có ý nghĩa. Vì lúc đó, mọi sự phát xuất từ đâu? Dù sao, nó không có mục đích thiêng liêng nào. Nó chỉ đơn giản có mặt ở đó và không có bất cứ mục tiêu cũng như bất cứ ý nghĩa nào. Lúc đó, không hề có tiêu chuẩn thiện hay ác nào. Lúc đó, chỉ những điều mạnh hơn những điều khác mới có thể khẳng định chính nó. Quyền lực lúc đó là nguyên lý duy nhất. Sự thật không đáng kể, nó thực sự không hiện hữu. Chỉ khi mọi thứ có một lý do thiêng liêng, được dự tính và được quan niệm - chỉ khi có một Thiên Chúa sáng tạo, Đấng tốt lành và muốn điều tốt - thì cuộc sống của con người mới có thể có ý nghĩa.

Việc có Thiên Chúa như Đấng tạo dựng và là thước đo mọi sự là điều cần thiết nguyên thủy trước hết và trên hết. Nhưng một vị Thiên Chúa hoàn toàn không phát biểu chính mình, không làm cho mình được biết đến, sẽ vẫn là một giả định và do đó không thể xác định mô thức [Gestalt] cuộc sống chúng ta.

Để Thiên Chúa thực sự là Thiên Chúa trong cuộc sáng tạo có chủ ý này, chúng ta phải trông chờ Người tự phát biểu chính Người một cách nào đó. Người đã làm thế bằng nhiều cách, nhưng một cách dứt khoát trong lời kêu gọi ngỏ với Ápraham và ban cho các người tìm kiếm Thiên Chúa một định hướng dẫn họ vượt lên trên mọi mong đợi: Chính Thiên Chúa trở thành tạo vật, nói như con người với những con người nhân bản chúng ta.

Theo cách này, câu “Thiên Chúa hiện hữu” cuối cùng trở thành một sứ điệp thực sự hân hoan, chính bởi vì Người không chỉ là sự hiểu biết, Người tạo dựng - và là - tình yêu. Làm mọi người ý thức được điều này một lần nữa là nhiệm vụ đầu tiên và căn bản được Thiên Chúa giao phó cho chúng ta.

Một xã hội không có Thiên Chúa - một xã hội không biết Người và coi Người không hiện hữu - là một xã hội mất thước đo của nó. Trong thời đại chúng ta, câu tuyên truyền Thiên Chúa đã chết đã được sáng chế ra. Khi Thiên Chúa chết thật trong xã hội, nó sẽ được tự do, chúng ta được cho biết chắc như thế. Trên thực tế, cái chết của Thiên Chúa trong một xã hội cũng có nghĩa là cái chết của tự do, bởi vì điều chết đi là mục đích cung cấp định hướng cho ta. Và vì chiếc la bàn chỉ cho chúng ta đi đúng hướng bằng cách dạy chúng ta phân biệt thiện và ác đã không còn. Xã hội phương Tây là một xã hội trong đó Thiên Chúa không hiện diện trong lãnh vực công cộng và không còn gì để cung ứng cho nó nữa. Và đó là lý do tại sao nó là một xã hội trong đó thước đo nhân tính ngày càng mất đi. Tại các điểm cá thể, điều bất ngờ rõ ràng là điều xấu xa và hủy diệt con người đã trở thành một vấn đề tất nhiên.

Đó là trường hợp ấu dâm. Chỉ một thời gian ngắn trước đây, nó đã được lên lý thuyết là hợp pháp, nhưng nó đã tràn lan mỗi ngày một hơn. Và nay chúng ta ngỡ ngàng nhận ra rằng sự việc đang xảy ra với trẻ em và người trẻ của chúng ta nhằm đe dọa phá hoại các em. Sự kiện điều này cũng lan tràn trong Giáo hội và nơi các linh mục hẳn phải khiến chúng ta bối rối cách riêng.

Tại sao ấu dâm đã đạt tới những tỷ lệ như thế? Cuối cùng, lý do là sự vắng mặt của Thiên Chúa. Các Kitô hữu và linh mục chúng ta cũng không thích nói về Thiên Chúa, vì ngôn từ này dường như không thực tế. Sau những biến động của Chiến tranh thế giới thứ hai, chúng ta ở Đức vẫn còn minh nhiên đặt Hiến pháp của mình dưới trách nhiệm đối với Thiên Chúa như

một nguyên tắc hướng dẫn. Nửa thế kỷ sau, người ta không còn có thể bao gồm trách nhiệm đối với Thiên Chúa như một nguyên tắc hướng dẫn trong hiến pháp châu Âu nữa. Thiên Chúa bị coi như mối quan tâm đẳng cấp của một nhóm nhỏ và không còn có thể trở thành nguyên tắc hướng dẫn cho toàn thể cộng đồng. Quyết định này phản ánh tình hình ở phương Tây, nơi Thiên Chúa đã trở thành chuyện riêng tư của một thiểu số.

Một nhiệm vụ tối quan trọng, một nhiệm vụ hãn đã phát xuất từ các biến động luân lý của thời ta, là chính chúng ta phải bắt đầu lại việc sống theo Thiên Chúa và sống trong Người. Trên hết, chính chúng ta phải học lại cách nhìn nhận Thiên Chúa là nền tảng của cuộc sống chúng ta thay vì đẩy Người qua một bên như một cụm từ vô hiệu. Tôi sẽ không bao giờ quên lời cảnh báo mà nhà thần học vĩ đại Hans Urs von Balthasar từng viết cho tôi trên một trong những lá thư bưu thiếp của ngài. “Đừng giả thiết Thiên Chúa Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, nhưng hãy trình bày các vị!”

Thật vậy, trong thần học, Thiên Chúa thường được coi là điều đương nhiên, nhưng người ta không cư xử với Người một cách cụ thể. Chủ đề Thiên Chúa dường như không có thực chất, bao lâu bị loại ra ngoài những điều liên quan đến chúng ta. Tuy nhiên, mọi sự sẽ trở nên khác nếu người ta không giả định nhưng trình bày Thiên Chúa. Không để Người ở hậu trường, nhưng nhìn nhận Người là trung tâm của suy nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta.

(2) Thiên Chúa trở thành con người vì chúng ta. Con người trong tư cách tạo vật của Người gần gũi với trái tim của Người đến nỗi Người đã tự hợp nhất với họ và do đó đã đi vào lịch sử loài người một cách rất thực tế. Người nói với chúng ta, Người sống với chúng ta, Người đau khổ với chúng ta và Người đã tự mang lấy cái chết vì chúng ta. Chúng ta nói về điều này một cách chi tiết trong thần học, với những lời lẽ và suy nghĩ bác học. Nhưng chính bằng cách này, chúng ta có nguy cơ trở thành các ông chủ của đức tin thay vì được đổi mới và làm chủ bởi Đức tin.

Chúng ta hãy xem xét điều này trong tương quan với một vấn đề trung tâm, việc cử hành Bí tích Thánh Thể. Việc chúng ta xử lý Bí tích Thánh Thể chỉ có thể khơi dậy mối quan tâm. Công đồng Vatican II đã rất đúng khi tập chú vào việc đem bí tích Sự Hiện Diện Mình và Máu Chúa Kitô, Sự Hiện Diện của con người của Người, Cuộc Khổ Nạn, Sự Chết và Phục Sinh của Người trở lại tâm điểm của đời sống Kitô hữu và chính sự hiện hữu của Giáo Hội. Một phần, điều này thực sự đã diễn ra, và chúng ta nên hết lòng biết ơn Chúa vì điều này.

Nhưng một thái độ khác thế đang khá thịnh hành. Điều nổi bật không phải là một sự tôn kính mới đối với sự hiện diện của cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô, mà là một cách xử sự với Người có tác dụng phá hủy sự vĩ đại của Mầu nhiệm. Sự tham gia suy giảm trong việc cử hành Thánh Thể Chúa Nhật cho thấy các Kitô hữu chúng ta ngày nay vẫn còn biết rất ít về việc đánh giá cao sự vĩ đại của hồng ân vốn hệ ở sự Hiện diện Thực sự của Người. Bí tích Thánh Thể bị hạ giá, trở thành một cử chỉ nghi thức khi người ta coi là đương nhiên việc phép lịch sự đòi để Người được dâng tiến trong các buổi cử hành của gia đình hoặc trong các dịp như đám cưới và đám tang cho mọi người được mời vì các lý do gia đình.

Cách người ta thường nhận lãnh Bí tích Thánh Thể trong lúc rước lễ, đơn giản coi nó như một việc đương nhiên, cho thấy nhiều người coi việc rước lễ chỉ là một cử chỉ nghi thức

thuần túy. Do đó, khi nghĩ tới việc hành động nào được đòi hỏi trước hết và trên hết, điều khá hiển nhiên là chúng ta không cần một Giáo hội khác do chính chúng ta thiết kế. Thay vào đó, điều cần thiết trước tiên và quan trọng nhất là sự đổi mới Đức tin vào Thực tại của Chúa Giêsu Kitô như đã được ban cho chúng ta trong Bí tích Thánh Thể.

Trong các cuộc trò chuyện với nạn nhân của ấu dâm, người ta đã giúp tôi ý thức sâu sắc được đòi hỏi đầu tiên và quan trọng nhất này. Một phụ nữ trẻ, [trước đây] từng giúp lễ, đã nói với tôi rằng cha tuyên úy, cấp trên của cô trong tư cách người giúp lễ, luôn khởi đi việc lạm dụng tính dục mà ông phạm với cô bằng những lời này: “này là Mình Thầy, sẽ bị nộp vì các con”.

Hiển nhiên người phụ nữ này không thể nghe chính những lời truyền phép mà không cảm nghiệm lại tất cả những đau khổ khủng khiếp của việc mình bị lạm dụng. Vâng, chúng ta phải khẩn thiết cầu xin Chúa tha thứ, và trước hết và trên hết, chúng ta phải thề hứa với Người và xin Người dạy mọi người chúng ta một lần nữa hiểu được sự vĩ đại của sự đau khổ, sự hy sinh của Người. Và chúng ta phải làm tất cả những gì có thể làm để bảo vệ hồng ân Bí tích Thánh Thể khỏi bị lạm dụng.

(3) Và cuối cùng là Mầu nhiệm Giáo hội. Câu mà Romano Guardini, gần 100 năm trước, bày tỏ niềm hy vọng vui mừng vốn ghi khắc trong ngài và nhiều người khác, vẫn không thể nào quên được: “Một biển cố có tầm quan trọng khôn lường đã bắt đầu; Giáo hội đang tỉnh dậy trong các linh hồn”.

Ngài muốn nói rằng Giáo hội không còn bị cảm nghiệm và tri nhận chỉ như một hệ thống từ bên ngoài đi vào cuộc sống của chúng ta, như một thứ thẩm quyền, nhưng đúng hơn, nó bắt đầu được tri nhận là hiện diện trong trái tim con người - như một điều không chỉ ở bên ngoài, mà đánh động chúng ta từ bên trong. Khoảng nửa thế kỷ sau, khi xem xét lại diễn trình này và coi xem điều gì đã xảy ra, tôi cảm thấy bị cám dỗ muốn đảo ngược câu nói: “Giáo hội đang chết trong các linh hồn”.

Thật vậy, Giáo hội ngày nay được nhiều người coi chỉ như một loại bộ máy chính trị. Người ta nói về nó hầu như chuyên nhất bằng các phạm trù chính trị, và điều này đúng cả với các giám mục, những người phát biểu quan niệm của họ về Giáo Hội của ngày mai hầu như chuyên nhất bằng từ ngữ chính trị. Cuộc khủng hoảng, gây ra bởi nhiều trường hợp giáo sĩ lạm dụng, thúc giục chúng ta coi Giáo hội như một điều gần như không thể chấp nhận được, điều mà giờ đây chúng ta phải nắm trong tay và thiết kế lại. Nhưng một Giáo hội tự tạo không thể tạo được hy vọng.

Chính Chúa Giêsu đã so sánh Giáo hội với một lưới đánh cá, trong đó những con cá tốt và xấu cuối cùng bị chính Chúa phân rẽ. Ngoài ra còn có dụ ngôn coi Giáo hội như một cánh đồng trong đó, hạt tốt mà chính Thiên Chúa đã gieo lớn lên, nhưng cả cỏ dại mà “kẻ thù” đã bí mật gieo vào đó nữa. Thật vậy, cỏ dại trong cánh đồng Thiên Chúa, tức Giáo hội, hiển thị một cách quá đáng, và những con cá xấu trong lưới cũng cho thấy sức mạnh của chúng. Tuy nhiên, cánh đồng này vẫn là cánh đồng của Thiên Chúa và lưới cá vẫn là lưới cá của Thiên Chúa. Và ở mọi thời điểm, không những có cỏ dại và cá ác, mà còn có mùa gặt của Thiên Chúa và cá tốt. Công bố cả hai một cách nhấn mạnh không phải là một hình thức hộ giáo sai lầm, mà là một việc phục vụ cần thiết đối với Sự thật.

Trong bối cảnh này, cần phải nhắc đến một bản văn quan trọng trong Khải Huyền của Thánh Gioan. Ma quỷ được nhận diện là người tố cáo buộc tội anh em chúng ta trước Thiên Chúa cả ngày lẫn đêm (Kh 12:10). Như thế, Sách Khải Huyền của Thánh Gioan đã tiếp nhận một ý nghĩ từ trung tâm của câu chuyện lên khuôn trong Sách Gióp (G 1 và 2:10; 42: 7-16). Trong cuốn sách này, ma quỷ đã tìm cách hạ giá đức công chính của Gióp trước mặt Thiên Chúa, cho rằng nó chỉ có tính bề ngoài mà thôi. Và đó chính là điều Sách Khải Huyền muốn nói: Ma quỷ muốn chứng minh rằng không có người công chính; mọi sự công chính của người ta chỉ được biểu diễn ở bên ngoài. Nếu có thể đẽo gòn một người nào đó hơn, thì vẻ công chính bề ngoài của người này sẽ nhanh chóng rơi rụng.

Trình thuật trong sách Gióp bắt đầu với cuộc tranh luận giữa Thiên Chúa và ma quỷ, trong đó Thiên Chúa từng nhắc đến Gióp như một người thực sự chính trực. Bây giờ, ông ta được sử dụng như một điển hình để kiểm nghiệm xem ai đúng. Hãy lấy đi các tài sản của anh ta và Ngài sẽ thấy chẳng còn lại gì trong lòng đạo đức của anh ta nữa, ma quỷ lập luận như thế. Thiên Chúa cho phép hắn làm thử nghiệm này, nhưng Gióp thoát được một cách tích cực. Bây giờ ma quỷ đẩy xa hơn và hắn nói: "Da đổi da! Tất cả những gì người ta có, người ta đều sẵn sàng cho đi để cứu mạng sống mình. Ngài cứ thử giơ tay đánh vào xương vào thịt nó xem, chắc chắn là nó sẽ nguyện rửa Ngài thẳng mặt!" (G 2: 4-6).

Thiên Chúa ban cho quỷ cơ hội thứ hai. Hắn cũng có thể chạm vào da của Gióp. Chỉ giết Gióp là bị Thiên Chúa cấm mà thôi. Đối với các Kitô hữu, điều rõ ràng là Ông Gióp này, người đứng trước Thiên Chúa như một điển hình cho cả nhân loại, chính là Chúa Giêsu Kitô. Trong Sách Khải huyền của Thánh Gioan, thảm kịch của nhân loại được trình bày cho chúng ta một cách sâu rộng.

Thiên Chúa Tạo dựng đối đầu với ma quỷ, kẻ nói xấu cả nhân loại và mọi tạo vật. Hắn nói, không những với Thiên Chúa mà trước hết với người ta: Hãy nhìn xem vị Thiên Chúa này đã làm gì. Giả thiết là một sáng thế tốt lành, nhưng trên thực tế đầy đau khổ và tởm gớm. Sự chệch bại sáng thế đó thực sự là một sự chệch bại Thiên Chúa. Nó muốn chứng minh rằng chính Thiên Chúa không tốt, và do đó khiến chúng ta xa rời Người.

Sự hợp thời của điều sách Khải Huyền đang nói với chúng ta ở đây là điều hiển nhiên. Ngày nay, lời buộc tội chống lại Thiên Chúa, trước hết, chính là việc mô tả Giáo hội của Người như hoàn toàn xấu xa, và do đó thuyết phục chúng ta ra khỏi nó. Ý tưởng về một Giáo hội tốt hơn, do chính chúng ta tạo ra, trên thực tế là một đề xuất của ma quỷ, mà với đề xuất này, hắn muốn dẫn chúng ta xa khỏi Thiên Chúa hằng sống, bằng một thứ luận lý lừa đảo mà chúng ta rất dễ bị lừa. Không, ngay cả ngày nay, Giáo hội không chỉ bao gồm cá xấu và cỏ dại. Giáo hội của Thiên Chúa cũng đang hiện hữu ngày nay và ngày nay chính là công cụ nhờ đó Thiên Chúa cứu rỗi chúng ta.

Điều rất quan trọng là chống lại các dối trá và sự thật nửa vời của ma quỷ bằng sự thật toàn diện: Vâng, có tội lỗi trong Giáo hội và tội ác. Nhưng cả ngày nay vẫn có Giáo Hội Thánh thiện, không thể phá hủy. Ngày nay có nhiều người khiêm tốn tin tưởng, chịu đau khổ và yêu thương; trong họ, Thiên Chúa đích thực, Thiên Chúa yêu thương, tự tỏ chính Người cho chúng ta. Ngày nay, Thiên Chúa cũng có các nhân chứng của Người (các vị tử đạo) trên thế giới. Chúng ta chỉ cần tỉnh táo để nhìn và nghe thấy họ.

Chữ tử vì đạo được lấy từ luật tố tụng. Trong phiên tòa chống lại ma quỷ, Chúa Giêsu Kitô là chứng tá đầu tiên và thực sự của Thiên Chúa, vị tử đạo đầu tiên, người từ đó, đã được vô số người khác bước chân theo.

Giáo Hội ngày nay, hơn bao giờ hết, là “Giáo Hội của các vị Tử đạo” và do đó là nhân chứng cho Thiên Chúa hằng sống. Ngày nay, nếu chúng ta nhìn xung quanh và lắng nghe với một trái tim chăm chú, chúng ta sẽ có thể tìm thấy các nhân chứng ở khắp mọi nơi, đặc biệt nơi những người bình thường, nhưng cả trong hàng ngũ cao cấp của Giáo hội, những người đứng lên tranh đấu cho Thiên Chúa bằng mạng sống và sự đau khổ của họ. Chính quán tính (inertia) trong tâm hồn đang dẫn chúng ta tới chỗ không muốn thừa nhận họ. Một trong những nhiệm vụ lớn lao và thiết yếu của việc truyền giảng tin mừng là thiết lập môi trường sống Đức tin xa rộng bao nhiêu có thể và, trên hết, tìm ra và nhìn nhận họ.

Tôi đang sống trong một căn nhà, trong một cộng đồng nhỏ gồm những người khám phá ra các nhân chứng như vậy của Thiên Chúa hằng sống hết lần này đến lần khác trong cuộc sống hàng ngày và cũng vui vẻ chỉ rõ điều này cho tôi. Nhìn thấy và tìm thấy Giáo hội sống động là một nhiệm vụ tuyệt vời giúp củng cố chúng ta và làm chúng ta hân hoan trong đức tin của mình hết lần này đến lần khác.

Cuối các suy tư của tôi, tôi muốn cảm ơn Đức Giáo Hoàng Phanxicô về tất cả những gì ngài đang làm để chỉ cho chúng ta, hết lần này đến lần khác, thấy ánh sáng của Thiên Chúa, một ánh sáng cả ngày nay vẫn chưa biến mất. Thừa Đức Thánh Cha, xin cảm ơn Đức Thánh Cha!

(Bênêđictô XVI)